TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** TỈNH THANH HÓA Bản án số: 04/2024/HNGĐ - ST Ngày: 25 - 01 – 2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Khanh
Bà Nguyễn Thị Phương Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Nhữ M - sinh năm 1977; Có mặt
ĐKTT: Tổ dân phố B, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;
Bị đơn: Chị Lê Thị N - sinh năm 1979; Vắng mặt
ĐKTT: Tổ dân phố B, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố L, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Nhữ M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị N tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã S (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/01/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả xúc phạm nhau, không còn quan tâm đến nhau. Kể từ tháng 07 năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân nhau

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của anh M được giải quyết ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh M và chị N có 03 con chung, là cháu Lê Thị Thu H - sinh ngày 03/5/2000, cháu Lê Thị Châu O – sinh ngày 27/4/2005 và cháu Lê Nhữ Đ – sinh ngày 13/02/2014. Nay anh M đề nghị giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu H và cháu O đã thành niên và phát triển bình thường nên anh M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh M không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị N: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N nhưng chị không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa lần 02 có mặt anh M, vắng mặt chị N, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kết thúc tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho anh M được ly hôn với chị N.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của nguyên đơn cũng như nguyện vọng của con và độ tuổi, tâm lý lứa tuổi để giao con theo quy định, cần giao cháu Lê Nhữ Đạt cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Do anh M không yêu cầu và đây là ý chí tự nguyện của anh M, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Hương và cháu Oanh đã thành niên và phát triển bình thường, anh M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Anh M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Lê Nhữ M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị N đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân, anh M và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến anh chị thường xuyên cải vả xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện chị N không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của anh M là có căn cứ chấp nhận, vì thực trạng anh, chị không còn sống với nhau. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho anh Lê Nhữ M được ly hôn chị Lê Thị N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Anh M và chị N có 03 con chung, là cháu Lê Thị Thu H - sinh ngày 03/5/2000, cháu Lê Thị Châu O – sinh ngày 27/4/2005 và cháu Lê Nhữ Đ – sinh ngày 13/02/2014. Nay anh M đề nghị giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đối với cháu H và cháu O đã thành niên và phát triển bình thường nên anh M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Cháu Lê Nhữ Đ có nguyện vọng được ở với bố, đây cũng là nguyện vọng của anh M, nên cần giao cháu Đ cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh là phù hợp với Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyện vọng nuôi con của anh M là phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Do anh M không yêu cầu và đây là ý chí tự nguyện của anh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Lê Nhữ M phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Nhữ M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Lê Thị N.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Lê Nhữ M được ly hôn với chị Lê Thị N;

Về con chung: Giao cháu Lê Nhữ Đ cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Lê Nhữ M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013752 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Anh Lê Nhữ M được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng